

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 658/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20/11/2023

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**

Hội thẩm nhân dân: **1/ Bà Trần Thị Đông.**

2/ Ông Nguyễn Hữu Độ.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Hoàng Thu Thảo.**

Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thuý Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 20/11/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 558/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/11/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Bùi Văn T**, sinh năm 1991.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn TB, xã VN, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: **Bà Trần Thị Kh**, sinh năm 1998.

Nơi ĐKKHKT: Thôn TB, xã VN, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Thôn VN, xã VN, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn – Ông Bùi Văn T trình bày:**

- Về tình cảm: Ông và bà Trần Thị Kh kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã VN, huyện

Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Trước khi kết hôn chưa ai có vợ có chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm B, xã VN, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Hiện nay hai vợ chồng sống ly hôn ở hai nơi khác nhau.

Quá trình chung sống hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì, bà Kh cảm thấy không sống được với gia đình nhà chồng nên đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ năm 2021 và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Đến nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn bà Kh.

Về con chung: Ông và bà Kh có 02 con chung là Bùi TrA, sinh ngày 29/3/2018 và Bùi Minh Q, sinh ngày 17/3/2020.

Nguyện vọng của ông sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Minh Q, bà Kh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi TrA. Ông không yêu cầu bà Kh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra ông T không có ý kiến nào khác.

*** Bị đơn – Bà Trần Thị Kh trình bày:**

Bà và ông Bùi Văn T đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã VN trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn xong hai vợ chồng chung sống tại thôn TB, xã VN, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì, cho đến năm 2020 bà và mẹ chồng xảy ra mâu thuẫn, nên sau đó bà về thôn VN sống từ đó cho đến nay. Nay ông T có đơn xin ly hôn thì bà cũng đồng ý.

Bà và ông T có 02 con chung là Bùi TrA sinh ngày 29/3/2018 và Bùi Văn Q sinh ngày 17/3/2020. Hiện tại hai cháu sống với ông T và ông bà nội tại thôn TB, xã VN, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Sau khi ly hôn, bà đề nghị giao cháu TrA cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Q cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà và ông T tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc rất bận nên bà xin được vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa xét xử vụ án.

Ngoài ra bà Kh không có ý kiến nào khác.

Tại phiên tòa:

+ **Ông Bùi Văn T trình bày:** Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, hai vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Ông xin được ly hôn với bà Trần Thị Kh.

Về con chung: Ông và bà Kh có 02 con chung là Bùi TrA sinh ngày 29/3/2018 và Bùi Văn Q sinh ngày 17/3/2020.

Sau khi ly hôn ông đề nghị giao cháu TrA cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Q cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ **Bà Trần Thị Kh** đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bà Kh đã có lời khai và xin vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, không có ý kiến gì khác.

+ **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu ý kiến:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Về thẩm quyền thụ lý và quan hệ pháp luật giải quyết, về xác định tư cách pháp lý đối với các đương sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử, về việc tổng đạt các văn bản tố tụng, về việc tiến hành thu thập chứng cứ đều đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng theo trình tự mà pháp luật quy định.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đều đã chấp hành tốt pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Bùi Văn T đối với bà Trần Thị Kh.

Về con chung: Ông T và bà Kh có 02 con chung là Bùi TrA sinh ngày 29/3/2018 và Bùi Văn Q sinh ngày 17/3/2020.

Giao cháu Bùi TrA cho bà Kh trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Văn Q cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà Kh đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Ông T phải chịu án phí không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng:

[1.1] Ông Bùi Văn T và bà Trần Thị Kh kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VN, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 29/6/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống tuy ông bà có mâu thuẫn, ông T có đơn xin ly hôn với bà Kh. Bà Kh có địa chỉ nơi cư trú tại thôn VN, xã VN, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, quan hệ pháp luật là “Ly hôn”.

[1.2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trực tiếp cho bà Kh, bà Kh đã có lời khai và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là hoàn toàn đúng và phù hợp khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tình cảm: Ông Bùi Văn T và bà Trần Thị Kh sau khi kết hôn sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn giữa bà Kh với mẹ chồng, sau đó bà Kh đã về nhà mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng ông bà sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn, bà Kh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và cũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mặc dù cả ông T và bà Kh đều xác định giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn, tuy nhiên hai ông bà đều xác nhận bà Kh có mâu thuẫn với mẹ chồng, ông bà cũng không có biện pháp gì để khắc phục được mâu thuẫn và cải thiện quan hệ giữa mẹ chồng nàng dâu dẫn đến tình cảm vợ chồng cũng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy việc ông T xin ly hôn bà Kh là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà Kh có 02 con chung là Bùi TrA sinh ngày 29/3/2018 và Bùi Văn Q sinh ngày 17/3/2020.

Ông T và bà Kh cùng thống nhất giao cháu Bùi TrA cho bà Kh trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Văn Q cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy thỏa thuận về việc nuôi con của ông T và bà Kh là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với qui định của pháp luật cũng như phù hợp với cuộc sống, hoàn

cảnh, điều kiện nuôi dưỡng con cái của ông T và bà Kh. Do vậy nên Hội đồng xét xử giao cháu Bùi TrA cho bà Kh trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Văn Q cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 11/2023 cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: ông T và bà Kh tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà Kh đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T.

Ông Bùi Văn T được ly hôn bà Trần Thị Kh.

2. Về con chung: Xác nhận ông Bùi Văn T và bà Trần Thị Kh có 02 con chung là Bùi TrA sinh ngày 29/3/2018 và Bùi Văn Q sinh ngày 17/3/2020.

Giao cháu Bùi TrA cho bà Kh trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Văn Q cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 11/2023 cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Ông Bùi Văn T và bà Trần Thị Kh tự thoả thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Bùi Văn T và bà Trần Thị Kh không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Ông Bùi Văn T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số AA/2021/0007264 ngày 09/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Xác nhận ông T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Ông Bùi Văn T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Trần Thị Kh có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Đông Anh;
- THA H. Đông Anh;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- UBND X.VN, H. Đông Anh, TP.Hà Nội;
(GCNKH số 38/2017 ngày 29/6/2017)
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Huyền

